

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện kiến nghị sau chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI**

Thực hiện Công văn số 354/VP-THTT ngày 09/12/2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp; phối hợp với các địa phương trong việc quản lý tài nguyên đất; kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt như sau:

#### **I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

##### **1. Phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp**

Tiếp tục phối hợp với Báo, Đài, các cơ quan đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đất đai đến toàn thể người dân, đặc biệt là các chính sách pháp luật đất đai năm 2013 có liên quan đến việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm đất nông nghiệp, trong đó có: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Nghị quyết số 49/2013/QH13 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21/6/2013 về kéo dài thời hạn sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối của hộ gia đình, cá nhân; Nghị định số 126/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 49/2013/QH13 của Quốc hội khoá XIII; Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất lúa; các điểm mới của Luật Đất đai năm 2013 về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; số 30/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/6/2013 hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng đất; Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21/4/2014 hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; Chỉ thị số 13 CT/TU ngày 03/9/1998 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về tiếp tục thực hiện cuộc vận động đổi điền đôn thừa.



Các văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp sau khi được ban hành và triển khai thực hiện đạt được hiệu quả, hiệu lực cao, đặc biệt là việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức, doanh nghiệp sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong đó có chính sách kéo dài thời hạn sử dụng đất nông nghiệp, tạo niềm tin, tâm lý ổn định cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất; công tác quản lý sử dụng đất nông nghiệp ngày càng đi vào nề nếp, đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh.

## **2. Kết quả phối hợp và tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp**

- Tiếp tục phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thực hiện Dự án điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Bản đồ đất phục vụ công tác quản lý tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa, tỷ lệ 1/50000 (sản phẩm của Dự án được bàn giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố), với mục đích hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch sử dụng, cải tạo, khai thác có hiệu quả, tiết kiệm các loại đất; hướng dẫn người sử dụng đất bố trí các loại cây trồng phù hợp với từng loại đất nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu xây dựng Báo cáo chuyên đề số 41/BC-STNMT ngày 14/3/2014 về việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến vấn đề nông dân bỏ ruộng, trả ruộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa theo đề nghị của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa tại Thông báo số 20/TB-DDBQH ngày 06/3/2014 để thực hiện việc giám sát theo chuyên đề.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng nông dân bỏ ruộng hoang, không sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (Sở đã báo cáo và đề nghị UBND tỉnh tại Công văn số 3790/STNMT-QLDD ngày 09/9/2014). Tham gia cùng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri về chuyên đề nông dân bỏ ruộng, không sản xuất nông nghiệp tại các huyện Hậu Lộc, Hà Trung, Thiệu Hoá, Quảng Xương, Đông Sơn.

- Chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Dự án điều tra thoái hoá đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật đất đai và quyết định của UBND tỉnh, làm cơ sở để xác định diện tích đất bị thoái hoá và xác định nguyên nhân đất bị thoái hoá trên địa bàn tỉnh để đưa ra những giải pháp khắc phục, đặc biệt là nhóm giải pháp về sử dụng đất nông nghiệp.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo quyết liệt, hướng dẫn nông dân đưa đất vào sử dụng. Kết quả tính đến hết tháng 11/2014, trên địa bàn toàn tỉnh có 08 huyện, 02 thị xã và thành phố Thanh Hoá còn tình trạng nông dân bỏ ruộng. Cụ thể: Có 6.619 hộ được giao đất sản xuất nông nghiệp nhưng không tổ chức sản xuất, bỏ ruộng (giảm 3.959 hộ so với năm 2013), diện tích 462,41 ha (giảm 608,84 ha so với năm 2013). Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 305,06 ha (khoảng 4595 hộ); Diện tích đất trồng cây hàng năm khác 137,02 ha (khoảng 1.258 hộ). (Cụ thể có Phụ biểu tổng hợp kèm theo).

### **3. Về công tác tổ chức triển khai thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:**

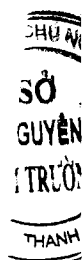
- Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành việc lập Quy hoạch sử dụng đất giai 2011-2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015). Đến nay, Sở đã thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của 26/27 huyện, thị xã, thành phố; riêng thị xã Sầm Sơn trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) vì thị xã Sầm Sơn có quy hoạch xây dựng chi tiết đã được duyệt. Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Sở đã hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố công bố, công khai rộng rãi và tổ chức quản lý, triển khai thực hiện đúng quy định; tạo điều kiện để các cấp chính quyền thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, tổ chức doanh nghiệp, người dân tìm kiếm cơ hội đầu tư, tiếp cận với đất đai thuận lợi và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Về kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt, được Sở phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc lập, thẩm định danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại các kỳ họp HĐND tỉnh; thông qua việc thẩm định hồ sơ xin chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; có ý kiến hướng dẫn và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

## **II. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

1. Còn một số cấp uỷ, chính quyền các cấp chưa quan tâm đến việc tuyên truyền, phổ biến những đường lối, chủ trương mới của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến nông dân về chính sách pháp luật đất đai.

2. Một số chính quyền cấp xã chưa thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác quản lý đất nông nghiệp; chưa thường xuyên rà soát và kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp của người dân để phát hiện kịp thời, có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định. Chưa chủ động cập nhật báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình trạng nông dân bỏ ruộng và đề xuất giải pháp khắc phục để hạn chế hiện tượng nông dân bỏ ruộng.



3. Công tác lập, thẩm định các quy hoạch như: quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng chi tiết, quy hoạch các khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng thấp; chưa có sự gắn kết lồng ghép đồng bộ giữa các quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch xây dựng với quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, dẫn đến khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các quy hoạch xây dựng, hạ tầng nông nghiệp bị phá vỡ nhưng không có phương án đầu tư sửa chữa khắc phục, làm ảnh hưởng đến đất nông nghiệp, nhiều khu vực người dân không thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp được, đất bị bỏ hoang. Nhiều địa phương chưa quan tâm đến việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng xứ đồng.

4. Một số địa phương, điều kiện về cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi nội đồng) còn hạn chế, diện tích đất canh tác ít, thửa đất nhỏ lẻ, không có vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đất, không thể thực hiện được việc đổi điền dồn thửa đã ảnh hưởng đến việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, không hình thành được các vùng thâm canh, chuyên canh tăng năng suất, đặc biệt là các xã miền núi.

5. Do thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (trồng trọt) thấp, không ổn định so với nghề khác dẫn đến nông dân bỏ ruộng, trả ruộng chuyển sang hoạt động ngành nghề khác.

6. Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách tạo liên kết giữa nông dân và các doanh nghiệp, để doanh nghiệp đầu tư vốn cho nông dân sản xuất và tiêu thụ cũng như có trách nhiệm, chia sẻ lợi ích và rủi ro; chưa quy định về cơ chế, chính sách để giải quyết hiện tượng nông dân bỏ ruộng hoang không sản xuất.

### III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy, giải quyết hiện tượng nông dân bỏ ruộng hoang không sản xuất là vấn đề khó, chưa có văn bản pháp luật của Nhà nước quy định về cơ chế, chính sách để giải quyết hiện tượng nông dân bỏ ruộng hoang không sản xuất. Vì vậy, để thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp trong thời gian tới, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh như sau:

#### 1. Kiến nghị với Chính phủ:

Đề nghị Chính phủ có chính sách hỗ trợ trực tiếp cho nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo diện tích sản xuất thực tế; có chính sách đầu tư mạnh cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; có cơ chế quản lý chặt chẽ và ổn định chất lượng, giá cả các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; có cơ chế, chính sách tạo liên kết giữa nông dân và các doanh nghiệp, để doanh nghiệp đầu tư vốn cho nông dân sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như có trách nhiệm, chia sẻ lợi ích và rủi ro.

2. Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Rà soát, sửa đổi các cơ chế, chính sách trong quản lý và sử dụng đất nông nghiệp cho phù hợp tình

hình quản lý sử dụng đất của từng vùng, từng địa phương, đảm bảo quy định của pháp luật đất đai hiện hành; đặc biệt là giúp các địa phương giới thiệu thị trường, tạo đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp ổn định.

### 3. Kiến nghị với UBND tỉnh:

- Sớm chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh trình UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách khuyến khích nhà đầu tư đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Trong đó tập trung chính vào chính sách miễn, giảm tiền giao đất, cho thuê đất; hỗ trợ nhà đầu tư tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, tiền nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư vào công nghiệp chế biến nguyên liệu nông, lâm sản, thủy sản, các dự án dịch vụ thương mại phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Sớm ban hành văn bản tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng nông dân bỏ ruộng hoang, không sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3790/STNMT-QLĐĐ ngày 09/9/2014.

### 4. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Luật Đất đai năm 2013 đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng đất tại Điều 166 và Điều 170 (trong đó có đất nông nghiệp), theo đó: người sử dụng đất phải sử dụng đất đúng mục đích; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính; thực hiện các biện pháp bảo vệ đất; tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan; làm đầy đủ thủ tục khi chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp người sử dụng đất không đúng mục đích; cố ý hủy hoại đất; đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật Đất đai mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho; không thực hiện nghĩa vụ tài chính; đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 64 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai.

Vì vậy, trường hợp nông dân không tổ chức sản xuất, bỏ hoang, không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn quy định của pháp luật đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đã tổ chức vận động nhưng các hộ không đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra lập biên bản kết luận vi phạm và gửi thông báo thu hồi đất tới hộ có đất biết; đồng thời lập thủ tục thu hồi đất, bổ sung vào quỹ đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế trạng trại, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất ở địa phương thuê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.



Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa. / *vtg*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HDND tỉnh (để b/c);
- Thường trực UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HDND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLDD, Tuyen16.12.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Văn Thế**



**PHỤ BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ TÍNH HẾT THÁNG 11 NĂM 2014**  
(Kèm theo Báo cáo số 186 /BC-STNMT ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

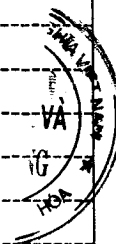
TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng diện tích đất sản xuất trên địa bàn	Trong đó:										
			Diện tích đất sản xuất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân nhưng không tổ chức sản xuất, bỏ hoang	Trong đó:				Diện tích đất sản xuất nông nghiệp giao cho các hộ gia đình, cá nhân nhưng không còn nhu cầu sử dụng, trả lại cho địa phương quản lý	Diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không sản xuất nông nghiệp, bỏ hoang (ha)	Diện tích đất nông nghiệp do UBND cấp xã đang quản lý nhưng không sản xuất nông nghiệp, bỏ hoang			
				Đất trồng lúa (LUA)		Đất trồng cây hàng năm khác (BHK)				Số tổ chức	Diện tích (ha)		
(1)	(2)	(3)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	(14)	Số tổ chức	Diện tích (ha)
I	<b>Thành phố Thanh Hoá</b>	<b>5191.28</b>	<b>1007.00</b>	<b>109.46</b>	<b>933.00</b>	<b>99.16</b>	<b>74.00</b>	<b>10.30</b>	<b>1007.00</b>	<b>109.46</b>	<b>18.78</b>	<b>2.00</b>	<b>0.80</b>
1	Xã Quảng Thành		240	16.50	240	16.50			240	16.50			
2	Xã Hoàng Đại		60	9.70			60	9.70	60	9.70	7.84		
3	Xã Quảng Thịnh		341	49.68	341	49.68			341	49.68		1	0.50
4	Xã Quảng Cát		78	3.32	64	2.72	14	0.60	78	3.32			
5	Xã Quảng Hưng		79	5.59	79	5.59			79	5.59			
6	Xã Quảng Tâm		3	0.25	3	0.25			3	0.25			
7	Xã Đông Hưng		14	4.30	14	4.30			14	4.30		1	
8	Xã Đông Vinh		29	1.82	29	1.82			29	1.82	9.64		
9	Xã Đông Tân										1.30		
10	Xã Đông Lĩnh		12	1.20	12	1.20			12	1.20			
11	Phường Phú Sơn		12	1.10	12	1.10			12	1.10			
12	Phường Đông Thọ		47	6.00	47	6.00			47	6.00			
13	Phường Hàm Rồng		92	10.00	92	10.00			92	10.00			
II	<b>Thị xã Sầm Sơn</b>	<b>402.08</b>	<b>663.00</b>	<b>40.86</b>	<b>663.00</b>	<b>40.86</b>							
1	Phường Bắc Sơn		122	11.48	122	11.48							
2	Phường Trường Sơn		109	11.35	109	11.35							
3	Xã Quảng Cư		214	9.70	214	9.70							
4	Phường Trung Sơn		218	8.33	218	8.33							
III	<b>Thị xã Bỉm Sơn</b>	<b>1900.25</b>	<b>14.00</b>	<b>1.44</b>	<b>14.00</b>	<b>1.44</b>							
1	Phường Đông Sơn		2	0.12	2	0.12							



2	Phường Phú Sơn		12	1.32	12	1.32							
<b>IV</b>	<b>Huyện Quảng Xương</b>	<b>10276.84</b>	<b>420.00</b>	<b>20.60</b>	<b>420.00</b>	<b>20.60</b>							
1	Xã Quảng Vinh		240	12.60	240	12.60							
2	Xã Quảng Thọ		180	8.00	180	8.00							
<b>V</b>	<b>Huyện Tĩnh Gia</b>	<b>10536.02</b>	<b>2236.00</b>	<b>175.79</b>	<b>1190.00</b>	<b>57.93</b>	<b>1042.00</b>	<b>118.56</b>					
1	Xã Hải Thượng		225	12.30	167	8.60	58	3.70					
2	Thị trấn Tĩnh Gia		31	3.00	27	2.10	4	0.90					
3	Xã Hải Châu		211	3.40	211	3.40							
4	Xã Xuân Lâm		246	15.70	197	12.90	49	3.50					
5	Xã Bình Minh		14	0.37			14	0.37					
6	Xã Hải Thanh		10	0.29	6	0.29							
7	Xã Hải Hà		149	9.22			149	9.22					
8	Xã Hải Hoà		196	24.87			196	24.87					
9	Xã Nguyên Bình		824	76.40	462	20.40	362	56.00					
10	Xã Tân Dân		52	2.22	52	2.22							
11	Xã Trường Lâm		15	0.90	15	0.90							
12	Xã Phú Sơn		53	7.12	53	7.12							
13	Xã Mai Lâm		210	20.00			210	20.00					
<b>VI</b>	<b>Huyện Nông Cống</b>	<b>14673.49</b>	<b>34.00</b>	<b>1.50</b>					<b>274.00</b>	<b>32.02</b>	<b>33.11</b>		
1	Xã Trung Chính								45	1.71			
2	Xã Trung Thành								1	0.33			
3	Xã Hoàng Sơn								15	1.56			
4	Xã Tân Phúc								8	0.91			
5	Xã Minh Thọ								34	2.05			
6	Xã Minh Nghĩa								21	1.09			
7	Xã Minh Khôi										0.59		
8	Xã Vạn Thắng								20	2.50			
9	Xã Vạn Thiện								2	0.48	0.21		
10	Xã Thành Thọ								18	11.05			
11	Xã Công Liêm		34	1.50									
12	Xã Tượng Văn								13	2.70			
13	Xã Trường Minh								84	5.34			



14	Xã Trường Sơn							12	2.13	3.81		
15	Xã Tượng Lĩnh							1	0.17	28.50		
<b>VII</b>	<b>Huyện Thiệu Hoá</b>	<b>9898.52</b>	<b>216</b>	<b>16.35</b>	<b>216</b>	<b>16.35</b>						
1	Xã Thiệu Giao		216	16.35	216	16.35						
<b>VIII</b>	<b>Huyện Hoàng Hoá</b>	<b>10162.40</b>	<b>131.00</b>	<b>7.05</b>			<b>131.00</b>	<b>7.05</b>				
1	Xã Hoàng Thịnh		45	1.30			45	1.30				
2	Xã Hoàng Lộc		42	2.60			42	2.60				
3	Xã Hoàng Lưu		44	3.15			44	3.15				
<b>IX</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>	<b>8814.72</b>	<b>728.00</b>	<b>19.53</b>				<b>289.00</b>	<b>27.75</b>	<b>25.30</b>		
1	Xã Hà Văn		453	7.80				5	0.80	4.00		
2	Xã Hà Dương		145	3.90						0.50		
3	Xã Hà Lâm		6	1.10				46	4.85			
4	Xã Hà Ngọc		1	0.28				18	0.82	1.14		
5	Xã Hà Phong		10	0.50				31	2.34	9.46		
6	Xã Hà Đông		34	4.41				1	0.08			
7	Xã Hà Tân		15	0.31				35	1.60	1.57		
8	Xã Hà Long		64	1.23						2.22		
9	Xã Hà Châu							12	3.26			
10	Xã Hà Toại							3	0.87			
11	Xã Hà Phú							24	1.48	0.92		
12	Xã Hà Ninh							14	1.00	0.24		
13	Xã Hà Thanh							91	10.00	0.35		
14	Xã Hà Yên							9	0.65	0.90		
15	Thị trấn Hà Trung									4.00		
<b>X</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>	<b>8147.30</b>						<b>785.00</b>	<b>83.52</b>			
1	Xã Ba Đình							16	10.00			
2	Xã Nga Vịnh							6	1.90			
3	Xã Nga Thắng							600	40.00			
4	Xã Nga Văn							30	9.00			
5	Xã Nga Trường							90	17.00			
6	Xã Nga Thiện							5	0.50			
7	Xã Nga Điện							1	0.30			



8	Xã Nga Thanh								5	1.02			
9	Xã Nga Tân								2	0.30			
10	Xã Nga Tiến								10	1.50			
11	Xã Nga Liên								20	2.00			
<b>XI</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>	<b>7238.42</b>	<b>1170.00</b>	<b>69.83</b>	<b>1159.00</b>	<b>68.72</b>	<b>11.00</b>	<b>1.11</b>	<b>358.00</b>	<b>18.35</b>			
1	Xã Châu Lộc		45	3.00	45	3.00			45	3.00			
2	Xã Triệu Lộc		38	2.00	33	1.70	5	0.30	5	0.30			
3	Xã Phong Lộc		18	1.45	18	1.45			18	1.45			
4	Xã Phú Lộc		12	0.50	12	0.50			12	0.50			
5	Xã Thịnh Lộc		5	0.50	5	0.50			5	0.50			
6	Xã Xuân Lộc		41	1.90	41	1.90			41	1.90			
7	Xã Hoà Lộc		89	8.54	85	7.78	4	0.76	4	0.76			
8	Xã Tiến Lộc		747	41.14	747	41.14			98	2.89			
9	Xã Lộc Sơn		13	0.50	13	0.50			13	0.50			
10	Xã Lộc Tân		12	0.50	12	0.50			12	0.50			
11	Xã Văn Lộc		103	6.00	103	6.00			103	6.00			
12	Xã Quang Lộc		47	3.80	45	3.75	2	0.05	2	0.05			
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>87241.32</b>	<b>6619.00</b>	<b>462.41</b>	<b>4595.00</b>	<b>305.06</b>	<b>1258.00</b>	<b>137.02</b>	<b>2713.00</b>	<b>271.10</b>	<b>77.19</b>	<b>2.00</b>	<b>0.80</b>

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ Báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố